

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN Y KHOA TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐỔI MỚI (HPET) TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM HỌC 2021-2022

Vũ Thị Lê^{1*}, Nguyễn Thị Thanh Duyên¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả thực trạng về việc tự học và tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên Y khoa đang học theo chương trình đổi mới (HPET) tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021-2022.

Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích số liệu được xử lý bằng phần mềm SPSS 22.0.

Kết quả: 99% sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học. 54,9% sinh viên có ý thức tự học rất tốt. 42,6% sinh viên tự chủ trong việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học. 78,4% sinh viên gặp khó khăn khi tự học do kiến thức rộng, khó; 37,9% sinh viên gặp khó khăn do thiếu tài liệu học tập, tham khảo. 31,2% sinh viên gặp khó khăn do thiếu thời gian cho việc tự học. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên gồm: cách học thụ động ở phổ thông (chiếm 75,3%), chưa biết cách xây dựng kế hoạch học tập (chiếm 67,9%), công tác hướng dẫn và quản lý học tập của nhà trường và giảng viên chưa tốt (chiếm 54,5%), thiếu tài liệu, phương tiện học tập (chiếm 65,1%) và do ý thức bản thân (chiếm 87,4%). Ý thức tự giác trong tự học và mức độ đạt được của kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của sinh viên

Từ khóa: Tự học, sinh viên

ABSTRACT

REAL SITUATION AND SOME FACTORS AFFECT OF SELF-STUDY OF STUDENTS OF MEDICAL UNIVERSITY IN INNOVATED CURRICULUM (HPET) AT THAI BINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY ACADEMIC YEAR 2021-2022

Objective: Describe the real situation of self-study and find out some factors affecting self-study

1. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

* Chịu trách nhiệm chính: Vũ Thị Lê

Email: vule0812@gmail.com

Ngày nhận bài: 25/11/2022

Ngày phản biện: 06/12/2022

Ngày duyệt bài: 10/12/2022

of medical students taking HPET at Thai Binh University of Medicine and Pharmacy, academic year 2021-2022.

Method: Cross sectional descriptive study with data analysis processed by software SPSS 22.0.

Results: 99% students are aware of the importance of self-study. 54,9% students have good studying consciousness. 42,6% students have good self control of planning and following study scheme. 78,4% of students have difficulty due to shortage of study materials reference materials. 31,2% students have difficulty due to shortage of time for self-study. Some factors affecting the self-study of students include: passive way of learning in high school (75,3%), don't know how to establish study scheme (67,9%), the work of guiding and managing of the university and lecturers is not really good (54,5%), shortage of materials, study facilities (65,1%), self consciousness (87,4%), self consciousness of students, and level of achievement of carrying out study scheme directly affect students' academic performance.

Keywords: Self-study, students

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong đào tạo đại học hiện nay, vấn đề tự học đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên (SV) lĩnh hội kiến thức môn học cũng như phát huy năng lực của bản thân. Tự học là sự nỗ lực chiếm lĩnh tri thức, kỹ năng của bản thân người học để hướng tới những mục đích học tập nhất định. Như vậy để có thể nắm bắt toàn diện những kiến thức đòi hỏi mỗi sinh viên phải có nhiều nỗ lực trong hoạt động học tập, đặc biệt phải dành thời gian cho việc tự học, tự nghiên cứu.

Từ năm học 2017-2018 sinh viên ngành Y khoa của Trường Đại học Y Dược Thái Bình đã làm quen với hình thức học trong chương trình đào tạo đổi mới của dự án HPET. Với chương trình đào tạo này, sinh viên học theo các module, mỗi module sinh viên sẽ được tiếp nhận nội dung kiến thức từ 2 đến 8 môn học và các kiến thức liên quan, hỗ trợ nhau giữa các môn học trong module. Do đó,

việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trở nên vô cùng cần thiết.

Để đánh giá được tầm quan trọng của việc tự học cũng như những khó khăn trong việc tự học của sinh viên, nhóm nghiên cứu đề tài: “Khảo sát thực trạng về việc tự học của sinh viên Y khoa trong chương trình đổi mới (HPET) tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021-2022” với mục tiêu: Mô tả thực trạng về việc tự học và tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên Y khoa đang học theo chương trình đổi mới (HPET) tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021-2022.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên Y khoa trường Đại học Y Dược Thái Bình đang học theo chương trình đổi mới dựa trên năng lực (HPET).

Tiêu chuẩn lựa chọn: SV Y khoa từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: SV Y khoa từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 không đồng ý tham gia nghiên cứu.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức tính cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả:

$$n = Z^2 \cdot \frac{p(1-p)}{(1-\frac{\alpha}{2}) \cdot (p\varepsilon)^2}$$

Trong đó:

n: cỡ mẫu nghiên cứu.

Z : Hệ số tin cậy phụ thuộc vào ngưỡng xác suất α (với $\alpha = 0,05$ thì $Z = 1,96$)

ε : sai số cho phép. Nghiên cứu lựa chọn $\varepsilon = 0,05$.

p: dự đoán tỉ lệ ước lượng. Theo nghiên cứu của Đinh Thị Hoa và các cộng sự thì 66,6% sinh viên nhận thức rõ được ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tự học [4]. Nghiên cứu chọn $p=0,67$

Thay vào công thức tính được $n = 756$, dự phòng 12, thực tế nghiên cứu này được tiến hành trên 768 sinh viên.

Biến số nghiên cứu:

- Thông tin chung của đối tượng NC: năm sinh, giới tính, đối tượng.

- Thực trạng vấn đề tự học của sinh viên gồm: nhận thức về tầm quan trọng của việc tự học; thái độ, ý thức của SV với việc tự học; tính chủ động trong việc tự học; các phương thức tự học đang được áp dụng và những khó khăn gặp phải khi tự học.

- Các yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học gồm: Kết quả học kỳ 1; nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong hoạt động tự học; yếu tố quan trọng giúp cho việc tự học đạt hiệu quả; tỉ lệ SV cho rằng ý thức tự học của bản thân là yếu tố quan trọng giúp việc tự học đạt hiệu quả.

Xử lý số liệu: sử dụng phần mềm SPSS 22.0.

Phương pháp thu thập số liệu:

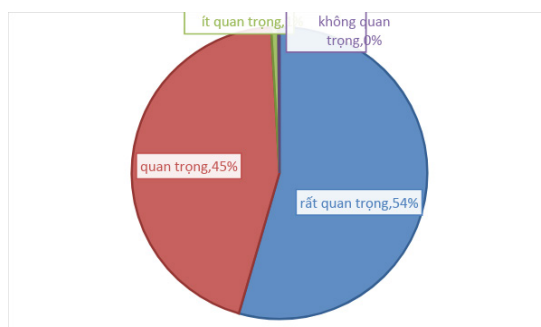
* Nghiên cứu sơ bộ: Chọn ngẫu nhiên 20 sinh viên phỏng vấn dựa trên bảng hỏi đã được chuẩn bị trước để hoàn thiện phiếu điều tra phục vụ cho nghiên cứu chính thức.

* Nghiên cứu chính thức: Sau khi hiệu chỉnh phiếu điều tra đã phù hợp tiến hành nghiên cứu chính thức thông qua phỏng vấn.

2.3. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu không ảnh hưởng đến đối tượng tham gia nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu phục vụ đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao chất lượng tự học cho sinh viên.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU



Biểu đồ 1. Mức độ quan trọng của việc tự học đối với sinh viên

Biểu đồ 1 cho thấy 54% sinh viên cho rằng việc tự học là rất quan trọng; 45% sinh viên cho rằng việc tự học là quan trọng; chỉ có 1% sinh viên cho rằng việc tự học là ít quan trọng và không quan trọng.

Bảng 1. Quan điểm về tự học của sinh viên (n=768)

Quan điểm	SL	%
Học để chuẩn bị bài trước khi đến lớp	432	57,3
Học để củng cố kiến thức sau mỗi buổi học trên lớp	428	56,8
Học nếu có thời gian rảnh rỗi	170	22,5
Học để làm bài kiểm tra hoặc bài thi	309	41,0

Bảng 1 cho thấy 57,3% sinh viên cho rằng tự học để chuẩn bị bài trước khi đến lớp; 56,8% sinh viên cho rằng tự học để củng cố kiến thức sau mỗi buổi học trên lớp; 41% sinh viên cho rằng tự học để làm bài kiểm tra hoặc bài thi và 22,5% sinh viên cho rằng tự học nếu có thời gian rảnh rỗi.

Bảng 2. Ý thức tự giác trong tự học của sinh viên (n=768)

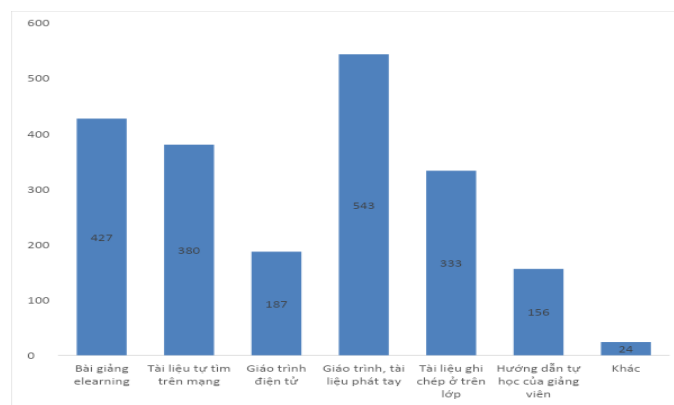
Ý thức tự giác	SL	%
Lập kế hoạch và thực hiện hàng ngày	422	54,9
Chỉ học khi sắp kiểm tra hoặc thi	238	31,0
Do giảng viên giao việc, giao vấn đề nên học	80	10,4
Không tự học, chỉ nghe giảng trên lớp là đủ	14	1,8

Bảng 2 cho thấy 54,9% sinh viên lập kế hoạch cho việc tự học và thực hiện hàng ngày; 31% sinh viên chỉ tự học khi sắp kiểm tra hoặc thi; 10,4% sinh viên tự học do được giảng viên giao việc, giao vấn đề; 1,8% sinh viên không tự học, chỉ nghe giảng trên lớp.

Bảng 3. Thái độ tự học của sinh viên theo giới tính (n=768)

Thái độ	Giới		Nữ (455)		Tổng	
	Nam (313)					
	SL	%	SL	%	SL	%
Yêu thích, say mê tự học	90	28,8	81	17,8	171	22,3
Tập trung chú ý nghe giảng, chủ động ghi chép	157	50,2	261	57,4	418	54,5
Tự chủ trong việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học	122	39,0	205	45,1	327	42,6
Khao khát tìm kiếm tài liệu bổ sung và nghiên cứu tài liệu đó	73	23,3	79	17,4	152	19,8
Nghiêm túc trong lúc tự học	98	31,3	188	41,3	286	37,3
Kiên trì, vượt khó	38	12,1	50	11,0	88	11,5
Học đối phó, chỉ để hoàn thành yêu cầu của giảng viên	18	5,8	24	5,3	42	5,5

Về thái độ tự học của sinh viên, bảng 3 cho thấy 22,3% sinh viên có thái độ yêu thích, say mê tự học; 54,5% sinh viên tập trung chú ý nghe giảng, chủ động ghi chép; 42,6% sinh viên tự chủ trong việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học; 19,8% sinh viên khao khát tìm kiếm tài liệu bổ sung và nghiên cứu tài liệu đó; 37,3% sinh viên nghiêm túc trong lúc tự học; 11,5% kiên trì vượt khó khi tự học; 5,5% sinh viên học đối phó. Có sự khác biệt về thái độ tự học của sinh viên giữa hai giới nam và nữ.



Biểu đồ 2. Phương tiện/ vật liệu sử dụng cho việc tự học của sinh viên (n=768)

Biểu đồ 2 cho thấy trên tổng số 768 sinh viên được khảo sát có 543 sinh viên sử dụng giáo trình, tài liệu phát tay cho việc tự học, 427 sinh viên sử dụng bài giảng elearning cho việc tự học, 380 sinh viên sử dụng tài liệu tự tìm trên mạng, 333 sinh viên sử dụng tài liệu ghi chép trên lớp, 187 sinh viên sử dụng giáo trình điện tử, 156 sinh viên sử dụng hướng dẫn tự học của giảng viên, 24 sinh viên sử dụng vật liệu khác.

Bảng 4. Mức độ đạt được các kỹ năng lập kế hoạch tự học và thực hiện kế hoạch tự học theo năm học của sinh viên (n=768)

SV năm thứ		Hai (256)		Ba (256)		Bốn (256)	
		SL	%	SL	%	SL	%
Lập kế hoạch tự học	Tốt	33	12,9	23	9,0	20	7,8
	Khá	128	50,0	107	41,8	101	39,5
	Trung bình	86	33,6	97	37,9	118	46,1
	Yếu	9	3,5	29	11,3	17	6,6
Thực hiện kế hoạch tự học	Tốt	39	15,2	22	8,6	26	10,2
	Khá	123	48,0	117	45,7	89	34,8
	Trung bình	83	32,4	103	40,2	125	48,8
	Yếu	11	4,4	14	5,5	16	6,2

Bảng 4 cho thấy tỉ lệ sinh viên năm thứ 2 đạt được kỹ năng lập kế hoạch ở mức độ tốt và khá cao nhất tương ứng là 12,9% và 50%, Kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học ở mức độ tốt và khá thì sinh viên năm thứ 2 cũng chiếm tỉ lệ cao nhất tương ứng là 15,2% và 48%.

Bảng 5. Những khó khăn sinh viên thường gặp phải khi tự học (n=768)

Khó khăn	Số lượng	Tỉ lệ %
Kiến thức rộng, khó	600	78,4
Thiếu thời gian cho việc tự học	239	31,2
Thiếu tài liệu học tập, tham khảo	290	37,9
Thiếu sự hướng dẫn tự học của giảng viên	255	33,3
Khác	34	4,4

Bảng 5 cho thấy 78,4% sinh viên thường gặp khó khăn khi tự học là do kiến thức rộng, khó; 37,9% là do thiếu tài liệu học tập, tham khảo, 33,3% là do thiếu sự hướng dẫn của giảng viên; 31,2% là do thiếu thời gian cho việc tự học; 4,4% là do nguyên nhân khác.

Bảng 6. Mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong tự học (n=768)

Các nguyên nhân (tỷ lệ %)	Ảnh hưởng lớn	Ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
Ảnh hưởng bởi cách học thụ động ở phổ thông	15,4	59,9	20,3	4,4
Chưa xác định đúng đắn động cơ học tập và chưa nhận thức đúng ý nghĩa của việc tự học	12,8	53,4	28,9	4,9
Thiếu tính năng động, tự giác, tích cực trong tự học	14,3	58,1	25,3	2,3
Chưa biết phương pháp tự học hiệu quả	21,1	55,7	20,6	2,6
Chưa biết xác định nội dung tự học hợp lý, khoa học	15,4	58,1	23,4	3,1
Công tác tổ chức, hướng dẫn và quản lý hoạt động học tập của nhà trường và của giảng viên chưa tốt	7,2	47,3	37,9	7,7
Thiếu giáo trình, tài liệu tham khảo, thiếu phòng học, thí nghiệm, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ tự học	12,9	52,2	29,9	4,9

Bảng 6 cho biết những đánh giá của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế trong việc tự học. Ở các nguyên nhân thì mức độ ảnh hưởng đều chiếm tỉ lệ cao nhất: 59,9% sinh viên bị ảnh hưởng bởi cách học thụ động ở phổ thông; 58,1% sinh viên bị ảnh hưởng bởi việc chưa biết xác định nội dung tự học hợp lý khoa học...

Bảng 7. Ảnh hưởng của mức độ đạt được kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học đến kết quả học tập học kỳ I năm học 2021-2022 của SV (n=768)

Mức độ đạt được \ Học lực	Giỏi		Khá		≤ Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%
Tốt	40	5,2	103	13,4	5	0,7
Khá	18	2,3	400	52,1	13	1,7
Trung bình	4	5,2	75	9,8	40	5,1
Yếu	8	1,1	30	3,9	32	4,2

Bảng 7 cho thấy có sự tương quan giữa học lực và các mức độ đạt được của kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học. Những sinh viên đạt được kỹ năng này ở mức khá và tốt thì đạt được học lực giỏi và khá với tỉ lệ cao: trong tổng số 9,1% sinh viên giỏi thì 7,5% sinh viên có mức độ đạt được kỹ năng này ở mức tốt và khá; trong tổng 79,2% sinh viên đạt học lực khá thì 13,4% sinh viên đạt được kỹ năng này ở mức độ tốt, 52,1% sinh viên đạt kỹ năng này ở mức độ khá.

Bảng 8. Ảnh hưởng của ý thức tự giác tự học đến kết quả học tập học kỳ I năm học 2021-2022 của sinh viên (n=768)

Ý thức tự giác	Kết quả học tập		Giỏi (70)		Khá (608)		≤ T.Bình (90)	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lập kế hoạch và thực hiện hàng ngày	51	72,9	340	55,9	10	11,1		
Chỉ học khi sắp kiểm tra hoặc thi	9	12,9	214	35,2	8	0,9		
Do giảng viên giao việc, giao vấn đề nên học	10	14,2	50	8,2	7	7,8		
Không tự học, chỉ nghe giảng trên lớp	0	0	4	0,7	65	72,2		

Bảng 8 cho thấy kết quả học tập học kỳ I của sinh viên có sự tương quan với ý thức tự giác tự học: trong tổng số 70 sinh viên giỏi (100%) thì những sinh viên lập kế hoạch tự học và thực hiện hàng ngày chiếm 72,9%; những sinh viên không tự học, chỉ nghe giảng ở trên lớp thì không có sinh viên nào giỏi và trong tổng số 90 sinh viên (100%) đạt học lực trung bình trở xuống thì những sinh viên này chiếm 72,2%

IV. BÀN LUẬN

Qua tiến hành khảo sát 768 sinh viên Y khoa đang học theo chương trình đổi mới của dự án HPET tại trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021-2022 về thực trạng vấn đề tự học và những yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên, chúng tôi thấy.

Về thực trạng tự học của sinh viên

Phần lớn sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học, 99% sinh viên cho rằng việc tự học quan trọng và rất quan trọng. Tỷ lệ này cao hơn nhiều so với trong nghiên cứu của Đinh Thị Hoa (66,6%) [4]

Bảng 1 cho thấy tỷ lệ khá cao sinh viên có quan điểm đúng đắn về việc tự học, cụ thể là có 57,3% sinh viên có quan điểm tự học để chuẩn bị bài trước khi đến lớp; 56,8% sinh viên có quan điểm tự học để củng cố kiến thức sau mỗi buổi học trên lớp. Bên cạnh đó cũng có một tỷ lệ không nhỏ sinh viên có quan điểm tự học chỉ để làm bài thi hoặc kiểm tra (41%) hoặc tự học nếu có thời gian rảnh rỗi (22,5%).

Qua bảng 2 cho thấy 54,9% sinh viên có ý thức tự học rất tốt đó là sinh viên đã lập kế hoạch cho việc tự học và thực hiện hàng ngày; 45,1% sinh viên còn lại có ý thức tự học chưa tốt, cụ thể: 31% sinh viên chỉ học khi sắp kiểm tra hoặc thi, tuy nhiên tỷ lệ này vẫn nhỏ hơn tỷ lệ sinh viên chỉ học khi sắp kiểm tra hoặc thi trong nghiên cứu của Hoàng Thị Minh Phương (50%) [5]; 10,4% sinh viên chỉ tự học do giảng viên giao việc, giao vấn đề; 1,8% sinh viên không tự học, chỉ nghe giảng trên lớp. Có sự khác biệt về ý thức tự học giữa sinh viên các năm, số

liệu cho thấy ý thức tự học của sinh viên năm thứ hai là tốt nhất.

Về thái độ tự học của sinh viên, bảng 3 cho thấy phần lớn sinh viên có thái độ nghiêm túc đối với việc tự học: 54,5% sinh viên tập trung chú ý nghe giảng, chủ động ghi chép; 42,6% sinh viên tự chủ trong việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch tự học; 37,3% sinh viên nghiêm túc trong lúc tự học; 22,3% sinh viên yêu thích, say mê tự học; 19,8% sinh viên khao khát tìm tài liệu bổ sung và nghiên cứu tài liệu đó; 11,5% sinh viên kiên trì vượt khó khi tự học; 5,5% sinh viên học đối phó, chỉ để hoàn thành yêu cầu của giảng viên.

Biểu đồ 2 cho thấy phương tiện/vật liệu được nhiều sinh viên sử dụng nhất khi tự học là giáo trình, tài liệu phát tay 543/768 sinh viên, tiếp theo là bài giảng elearning có 427/768 sinh viên sử dụng, 380/768 sinh viên sử dụng tài liệu tự tìm trên mạng internet, 333/768 sinh viên sử dụng tài liệu ghi chép trên lớp. Như vậy cần có những quyền giáo trình có chất lượng giúp cho việc tự học của sinh viên hiệu quả hơn.

Với hai kỹ năng lập kế hoạch tự học và thực hiện kế hoạch tự học bảng 4 cho thấy có sự khác biệt về mức độ đạt được giữa sinh viên các năm, mức độ đạt được ở mức khá và tốt của sinh viên năm thứ hai cao hơn sinh viên những năm khác.

Bảng 5 cho thấy những khó khăn mà sinh viên thường gặp phải khi tự học: 78,4% sinh viên gặp khó khăn do kiến thức rộng, khó; 37,9% sinh viên gặp khó khăn do thiếu tài liệu học tập, tham khảo; 33,3% sinh viên gặp khó khăn do thiếu sự hướng

dẫn tự học của giảng viên; 31,2% sinh viên gặp khó khăn do thiếu thời gian cho việc tự học.

VỀ MỘT SỐ YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN

Đánh giá của sinh viên về các nguyên nhân dẫn đến hạn chế trong hoạt động tự học của mình, bảng 6 cho thấy: 75,3% sinh viên bị ảnh hưởng bởi cách học thụ động ở phổ thông; 66,3% sinh viên bị ảnh hưởng bởi việc chưa xác định đúng đắn động cơ học tập và chưa nhận thức đúng ý nghĩa của việc tự học; 72,4% sinh viên bị ảnh hưởng lớn bởi sự thiếu năng động, tự giác, tích cực trong tự học; 55,7% sinh viên bị ảnh hưởng, 21,1% sinh viên bị ảnh hưởng vì chưa biết phương pháp tự học hiệu quả; 73,5% sinh viên bị ảnh hưởng bởi chưa biết xác định nội dung tự học hợp lý, khoa học; 67,9% sinh viên bị ảnh hưởng bởi việc chưa biết cách xây dựng kế hoạch tự học cho bản thân; 54,5% sinh viên bị ảnh hưởng bởi công tác tổ chức, hướng dẫn và quản lý hoạt động học tập của nhà trường và của giảng viên chưa tốt; việc thiếu giáo trình, tài liệu tham khảo, thiếu phòng học, thí nghiệm, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ tự học cũng làm cho 65,1% sinh viên bị ảnh hưởng.

Bảng 7 và bảng 8 cho thấy kết quả học tập học kỳ I của sinh viên bị ảnh hưởng bởi ý thức tự giác trong tự học của sinh viên và mức độ đạt được của kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học, cụ thể là những sinh viên có ý thức lập kế hoạch tự học và thực hiện hàng ngày thì tỉ lệ sinh viên đạt học lực giỏi và khá rất cao. Phần lớn sinh viên đạt được mức độ tốt và khá của kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học thì đạt học lực giỏi và khá (mức độ đạt được của kỹ năng thực hiện kế hoạch là tốt thì có 40 sinh viên học lực giỏi, 103 sinh viên học lực khá, chỉ có 5 sinh viên có học lực trung bình trở xuống; mức độ đạt được của kỹ năng thực hiện kế hoạch là khá thì có 18 sinh viên học lực giỏi, 400 sinh viên học lực khá, chỉ có 13 sinh viên có học lực trung bình trở xuống). Như vậy ý thức tự học tốt và kỹ năng đạt được khá, tốt thì kết quả học tập cũng khá, tốt.

V. KẾT LUẬN

5.1. Thực trạng về việc tự học của sinh viên Y khoa đang học theo chương trình đổi mới (HPET) tại Trường Đại học Y Dược Thái Bình năm học 2021-2022

99% sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc tự học; 41% sinh viên có quan điểm tự học chỉ để làm bài thi, bài kiểm tra hoặc không tự học; 54,9% sinh viên có ý thức tự học rất tốt đó là sinh viên đã lập kế hoạch cho việc tự học và thực hiện hàng ngày; 42,6% sinh viên tự chủ trong việc lập kế

hoạch và thực hiện kế hoạch tự học; Phương tiện/ vật liệu được nhiều sinh viên sử dụng nhất khi tự học là giáo trình, tài liệu phát tay 543/768 sinh viên; 78,4% sinh viên gặp khó khăn khi tự học do kiến thức rộng, khó; 37,9% sinh viên gặp khó khăn do thiếu tài liệu học tập, tham khảo; 31,2% sinh viên gặp khó khăn do thiếu thời gian cho việc tự học; Sinh viên đã nhận được sự hỗ trợ rất nhiều từ nhà trường/ giảng viên như sinh viên được cung cấp tài liệu học tập và nguồn tài liệu tham khảo; sinh viên được cung cấp đề cương chi tiết môn học...

5.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến việc tự học của sinh viên

59,9% sinh viên bị ảnh hưởng, 15,4% bị ảnh hưởng lớn bởi cách học thụ động ở phổ thông; 54,6% sinh viên bị ảnh hưởng và 13,3% sinh viên bị ảnh hưởng lớn bởi việc chưa biết cách xây dựng kế hoạch tự học cho bản thân; 47,3% sinh viên bị ảnh hưởng và 7,2% sinh viên bị ảnh hưởng lớn bởi công tác tổ chức, hướng dẫn và quản lý hoạt động học tập của nhà trường và của giảng viên chưa tốt; 52,2% sinh viên bị ảnh hưởng và 12,9% sinh viên bị ảnh hưởng lớn bởi việc thiếu giáo trình, tài liệu tham khảo, thiếu phòng học, thí nghiệm, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ tự học; 87,4% sinh viên cho rằng ý thức tự học của bản thân là yếu tố quan trọng giúp việc tự học của sinh viên đạt hiệu quả;

Kết quả học tập học kỳ I của sinh viên bị ảnh hưởng bởi ý thức tự giác trong tự học của sinh viên và mức độ đạt được của kỹ năng thực hiện kế hoạch tự học, cụ thể là những sinh viên lập kế hoạch tự học và thực hiện hàng ngày thì tỉ lệ sinh viên đạt học lực giỏi và khá rất cao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Cảnh Toàn (2002). Một số kinh nghiệm tự học. *Nhà xuất bản Giáo dục*.
2. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2008). Tự học của sinh viên. *Nhà xuất bản Giáo dục Quảng Nam*.
3. Nguyễn Cảnh Toàn (2003). Quá trình dạy – Tự học – Biện học vô bờ”. *Nhà xuất bản Giáo dục Hà Nội*.
4. Đinh Thị Hoa, Đàm Thu Vân, Đào Thị Thu Phương (2018). Thực trạng hoạt động tự học của sinh viên Trường Đại học Hoa Lư, Ninh Bình. *Tạp chí Giáo dục*, số 443 (kì 1-12/2018).
5. Hoàng Thị Minh Phương và các cộng sự (2019). Thực trạng tự học của sinh viên Điều Dưỡng năm thứ nhất Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội năm học 2018-2019 và một số yếu tố liên quan. *Tạp chí Y học Cộng đồng*, số 4-2019.